

UBND TỈNH BÌNH ĐỊNH  
**SỞ TÀI CHÍNH**

Số: ~~2442~~/STC-QLNS  
V/v công khai tài chính 9  
tháng đầu năm 2018

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bình Định, ngày 08 tháng 10 năm 2018

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định

Căn cứ Khoản 1 Điều 15 Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 4586/UBND-TH ngày 28/8/2017 của UBND tỉnh về việc thực hiện công khai ngân sách địa phương, Sở Tài chính công khai công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách địa phương 9 tháng đầu năm 2018 trên Trang thông tin điện tử của Sở Tài chính tại địa chỉ: <http://stc.binhdinh.gov.vn/> (Mục Công khai tài chính -> Tình hình thực hiện dự toán NSĐP trong năm).

Sở Tài chính báo cáo UBND tỉnh theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, THPT, QLNS.

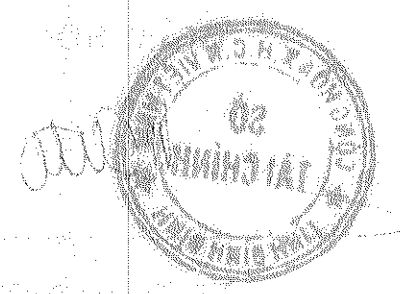


Lê Hoàng Nghi

Handwritten text at the top of the page, possibly a header or title, including the number '101' on the left.

Second section of handwritten text, appearing as a list or series of entries.

Third section of handwritten text, continuing the list or entries.



Bottom section of handwritten text, possibly a signature or concluding remarks.



Bình Định, ngày tháng 10 năm 2018

**THUYẾT MINH**

**Tình hình thực hiện dự toán ngân sách địa phương 9 tháng đầu năm 2018**  
(Kèm theo Công văn số /STC-QLNS ngày /10/2018 của Sở Tài chính)

Căn cứ Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh Khóa XII kỳ họp thứ 5, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 4568/QĐ-UBND ngày 08/12/2017 về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2018 cho các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố. Cụ thể như sau:

- Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn: 6.775.500 triệu đồng.
- Tổng chi ngân sách địa phương : 11.300.431 triệu đồng.

**I. Tình hình thực hiện thu – chi ngân sách 9 tháng đầu năm 2018**

**1. Về thu ngân sách nhà nước:** Tổng thu ngân sách nhà nước phát sinh trên địa bàn thực hiện 5.657.874 triệu đồng, đạt 84,1% dự toán năm, tăng 15,9% so cùng kỳ. Trong đó, một số khoản thu chủ yếu sau:

**1.1. Các khoản thuế do Hải quan thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu:** Thực hiện 465.304 triệu đồng, đạt 86,3% so dự toán năm, tăng 20,2% so với cùng kỳ năm trước. Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu kỳ này tăng so với cùng kỳ năm trước chủ yếu là thu thuế giá trị gia tăng của các mặt hàng nhập khẩu như: máy móc thiết bị, đá khối, gỗ và sản phẩm từ gỗ, vải, nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày...

**1.2. Thu nội địa:** Thực hiện 5.192.570 triệu đồng, đạt 83,9% so dự toán năm, tăng 15,5% so với cùng kỳ năm trước (thu nội địa quý 9 tháng đầu năm 2017 thực hiện 4.496.278 triệu đồng, đạt 80,7% dự toán năm 2017, tăng 9,4% so với 9 tháng đầu năm 2016). Nếu loại trừ tiền sử dụng đất, thu cổ tức, lợi nhuận được chia, lợi nhuận còn lại và thu xổ số kiến thiết thì thu nội địa thực hiện là 3.360.372 triệu đồng, đạt 70,0% dự toán năm, tăng 13,9% so cùng kỳ năm trước (9 tháng đầu năm 2017 thực hiện 2.951.157 triệu đồng, đạt 67,5% dự toán năm, tăng 11,1% so với 9 tháng đầu năm 2016).

Trong cơ cấu các nguồn thu nội địa, có nhiều lĩnh vực đạt thấp so với mức bình quân 9 tháng như: thu từ doanh nghiệp nhà nước (đạt 57,1%), thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (đạt 46%), thu từ khu vực công thương nghiệp ngoài quốc doanh (đạt 69,8%), thuế bảo vệ môi trường (đạt 65%), thu phí, lệ phí (71,3%), thu tại xã (đạt 59%), thu cổ tức và lợi nhuận sau thuế (đạt 31,2%). Nguyên nhân các lĩnh vực trên thực hiện đạt thấp so dự toán là vì một số doanh nghiệp lớn trên địa bàn tỉnh đang trong quá trình đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh; ngừng sản xuất do thực hiện bảo trì định kỳ hoặc chưa đảm bảo điều kiện vệ sinh môi trường; thuế suất thuế bảo vệ môi trường chưa tăng như dự kiến. Hơn nữa, nhiều doanh nghiệp hiện đang gặp khó khăn về thị trường tiêu thụ, chi phí

nguyên vật liệu đầu vào cao, nguồn tài chính không đảm bảo, sự cạnh tranh khốc liệt của hàng hoá trong và ngoài nước phải thu hẹp quy mô sản xuất, tạm ngừng hoạt động hoặc giải thể. Cụ thể, trong 9 tháng đầu năm 2018, trên địa bàn tỉnh đã có 206 doanh nghiệp phải tạm ngừng hoạt động, tăng 21,9% so cùng kỳ (quý III có 45 doanh nghiệp, tăng 12,5% so cùng kỳ) và 42 doanh nghiệp giải thể, tăng 61,5% so cùng kỳ (quý III có 13 doanh nghiệp, giảm 18,8% so cùng kỳ).

Tuy việc thực hiện dự toán thu nội địa 9 tháng đầu năm 2018 (không kể tiền sử dụng đất, thu cổ tức, lợi nhuận được chia, lợi nhuận còn lại và thu xổ số kiến thiết) đạt khá thấp, nhưng vẫn có sự tăng trưởng so với cùng kỳ năm trước tại một số khoản thu (kể cả các lĩnh vực thực hiện dự toán chưa đạt mức bình quân 9 tháng) như: thu từ khu vực công thương nghiệp ngoài quốc doanh (tăng 19,4%), thuế thu nhập cá nhân (tăng 22,2%), lệ phí trước bạ (tăng 29,5%), thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước (tăng 38,7%), thu khác (tăng 30,5%)... thể hiện sự nỗ lực của các cấp, các ngành và góp phần đảm bảo cân đối chi ngân sách.

**2. Về chi ngân sách địa phương:** Tổng chi ngân sách địa phương 9 tháng đầu năm 2018 thực hiện là 8.257.345 triệu đồng, đạt 73,1% dự toán năm và tăng 25,1% so cùng kỳ. Trong đó, chi ngân sách tỉnh 4.232.353 triệu đồng, đạt 64,1% dự toán năm và ngân sách huyện, thị xã, thành phố (kể cả ngân sách xã, phường, thị trấn) 4.024.992 triệu đồng, đạt 85,7% dự toán năm. Chi tiết các nội dung chi như sau:

**2.1. Chi đầu tư phát triển ngân sách địa phương:** Thực hiện 2.073.575 triệu đồng, đạt 110,1% dự toán năm và tăng 12,9% so cùng kỳ. Trong đó, chi nguồn vốn đầu tư qua ngân sách tỉnh quản lý là 1.140.192 triệu đồng, đạt tỷ lệ 92,7% dự toán; ngân sách huyện, thị xã, thành phố (bao gồm ngân sách xã, phường, thị trấn) là 933.383 triệu đồng, đạt 142,8% dự toán, tăng chi đầu tư phát triển chủ yếu là do tăng chi từ nguồn tăng thu tiền sử dụng đất.

**2.2. Chi thường xuyên:** Thực hiện 5.217.798 triệu đồng, đạt 83,2% dự toán và tăng 14,5% so cùng kỳ.

**2.3. Chi chương trình mục tiêu:** Thực hiện 965.377 triệu đồng (vốn đầu tư thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia và các Chương trình mục tiêu khác), đạt 32,9% dự toán và tăng 371,3% so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân tỷ lệ thực hiện chương trình mục tiêu thấp là do kinh phí sự nghiệp các chương trình mục tiêu được hạch toán trong phần chi thường xuyên. Bên cạnh đó, nguồn vốn đầu tư thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia cũng đạt thấp (23,97%) và một số Chương trình mục tiêu khác có tỷ lệ giải ngân thấp như: Chương trình phát triển kinh tế xã hội các vùng (64,5%), Chương trình mục tiêu phát triển hệ thống y tế địa phương (16,8%).

**II. Một số kiến nghị để thực hiện hoàn thành nhiệm vụ thu, chi ngân sách năm 2018**

### **1. Về thu ngân sách**

- Cục Thuế tiếp tục tiến hành phân tích, đánh giá và xác định nguyên nhân và kết quả thực hiện dự toán 9 tháng đầu năm để từ đó có giải pháp thực hiện dự toán

thu 3 tháng cuối năm 2018, phấn đấu hoàn thành vượt tối thiểu 3% dự toán thu NSNN năm 2018 theo chỉ đạo của Bộ Tài chính tại Công văn số 9737/BTC-NSNN ngày 14/8/2018 và Công văn số 5117/UBND-TH ngày 24/8/2018 của UBND tỉnh. Bên cạnh đó, cần dự kiến thu từng sắc thuế trên từng địa bàn để triển khai nhiệm vụ thu tới các đơn vị, cán bộ quản lý thu, đảm bảo tính hợp lý, tích cực.

- Thực hiện có hiệu quả công tác tuyên truyền, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính; giải quyết kịp thời thủ tục hành chính về thuế để các nhà đầu tư sớm triển khai dự án; phối hợp với các Sở, ngành, đơn vị liên quan để nắm bắt kế hoạch triển khai các dự án mới, nhất là các dự án trọng điểm của tỉnh, các dự án trong Khu công nghiệp để có biện pháp quản lý thuế kịp thời.

- Thực hiện đối chiếu, bổ sung các đối tượng thuộc diện quản lý thuế từ kết quả điều tra thống kê kinh tế năm 2017 của Tổng cục Thống kê để đưa đầy đủ các đối tượng vào diện quản lý thu thuế kịp thời, đúng quy định.

- Tiếp tục phối hợp với các ngành liên quan, triển khai các biện pháp, đề án quản lý thu thuế trong các lĩnh vực: khách sạn, nhà hàng, ăn uống giải khát, nhà nghỉ, cho thuê nhà, thuế XDCB nhà ở tư nhân, kinh doanh vận tải... triển khai công tác quản lý lĩnh vực lưu trú qua phần mềm lưu trú trực tuyến trên địa bàn toàn tỉnh.

- Thực hiện phân tích, đánh giá các khoản nợ thuế; phân loại các khoản nợ thuế có khả năng thu, khó có khả năng thu... theo các tiêu chí nhất định để có kế hoạch thu đủ số thuế phải thu trong năm 2018. Thực hiện nghiêm các kiến nghị tăng thu như thu hồi các thuế, phí, lệ phí... qua công tác thanh tra, kiểm toán.

- Tiếp tục triển khai thực hiện Quyết định số 2116/QĐ-UBND ngày 14/6/2017 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy chế phối hợp trong công tác thu, nộp ngân sách nhà nước.

- Nghiên cứu triển khai Nghị định số 119/2018/NĐ-CP ngày 12/9/2018 của Chính phủ quy định về hóa đơn điện tử khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

- Tiếp tục triển khai, hướng dẫn, kiểm tra công tác thu phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh.

- Các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Tài chính, Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng, các cơ quan, đơn vị liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố rà soát lại quỹ nhà, đất thuộc cấp mình quản lý để lập phương án sắp xếp phù hợp; trường hợp dôi dư, không cần sử dụng hoặc sử dụng không đúng mục đích thì lập kế hoạch thu hồi để trình cấp có thẩm quyền cho thanh lý, bán nộp ngân sách nhà nước. Đẩy mạnh công tác quy hoạch, giải phóng mặt bằng và đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng các khu dân cư mới, khu đô thị để phát triển quỹ đất đáp ứng yêu cầu về nhà ở, đất ở, đất thương mại, dịch vụ cho nhân dân và tăng thu ngân sách, tạo nguồn hoàn trả tạm ứng NSTW đầu tư cho các dự án trọng điểm của tỉnh.

## 2. Về chi ngân sách

- Tổ chức điều hành, thực hiện quản lý chi ngân sách theo đúng chế độ quy định, trong phạm vi dự toán được giao bảo đảm chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả; tiếp tục siết chặt kỷ luật chi ngân sách nhà nước, nhất là chi khánh tiết, hội nghị, lễ hội, mua sắm công, công tác nước ngoài... xử lý nghiêm sai phạm trong chấp hành pháp luật ngân sách nhà nước, nhất là trách nhiệm người đứng đầu; tiếp tục rà soát các chế độ, chính sách an sinh xã hội, nhất là các khoản chi cho con người để đảm bảo chi đúng đối tượng, đúng thời gian theo quy định.

- Đẩy nhanh tiến độ chi ngân sách, kể cả chi cho các chế độ, chính sách, nhiệm vụ, đề án theo các chương trình mục tiêu, chương trình mục tiêu quốc gia. Hết năm ngân sách, chỉ những khoản dự toán chi chưa thực hiện được hoặc chưa chi hết theo quy định tại khoản 3 Điều 64 Luật NSNN năm 2015 mới được phép chuyển nguồn sang năm sau để thực hiện, số còn lại sẽ bị cắt, hủy dự toán. UBND tỉnh sẽ không xem xét chuyển nguồn hay bổ sung để đảm bảo cho các khoản chi này. Các địa phương phải chủ động bố trí NSDP và điều hòa kinh phí đã được giao dự toán đầu năm để thực hiện các nhiệm vụ phát sinh trên địa bàn trong năm 2018.

- Quản lý, sử dụng dự phòng NSDP theo quy định của Luật NSNN, tập trung các nhiệm vụ khắc phục hậu quả thiên tai, bão lũ, dịch bệnh và một số nhiệm vụ quan trọng cấp bách phát sinh.

- Thanh toán đầy đủ, đúng hạn các khoản nợ đến hạn phải trả của NSDP, điều hành vay nợ của NSDP theo khả năng huy động vốn và đảm bảo không vượt mức vay được Bộ Tài chính giao.

- Khẩn trương thực hiện các giải pháp nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân vốn, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công năm 2018, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế theo Nghị quyết số 70/NQ-CP ngày 03/8/2017 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công và chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 4456/UBND-TH ngày 22/8/2017 về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 70/NQ-CP ngày 03/8/2017 của Chính phủ.

- Tập trung triển khai thực hiện Đề án cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước giai đoạn 2016 -2020; đẩy nhanh tiến độ sắp xếp, cổ phần hóa, thoái vốn. Tiếp tục rà soát, thực hiện các biện pháp giảm mức phí, chi phí đầu vào cho doanh nghiệp theo chỉ đạo của Chính phủ; nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Thực hiện việc đổi mới, sắp xếp, tái cơ cấu doanh nghiệp theo Quyết định số 2526/QĐ-UBND ngày 27/7/2018 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình hành động số 15-CTr/TU ngày 25/6/2018 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục cơ cấu lại, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước.

- Đẩy nhanh tiến độ hoàn thiện cơ chế hoạt động tự chủ của đơn vị sự nghiệp công trong từng lĩnh vực gắn với thúc đẩy lộ trình tính giá dịch vụ sự nghiệp công đã đề ra, nhằm tinh gọn bộ máy hệ thống chính trị, nâng cao hiệu quả hoạt động

của đơn vị sự nghiệp công lập, dành nguồn thực hiện cải cách tiền lương và cơ cấu lại ngân sách nhà nước

Quán triệt và thực hiện tốt các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đã nêu tại Quyết định số 2268/QĐ-UBND ngày 06/7/2018 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 10/NQ-CP ngày 03/02/2018 của Chính phủ và Kế hoạch số 26-KH/TU ngày 15/3/2018 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII "Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả"; Kế hoạch số 35-KH/TU ngày 04/6/2018 của Tỉnh ủy về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XII và tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, nhằm tinh gọn bộ máy hệ thống chính trị, nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước, đáp ứng nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Hệ thống Kho bạc Nhà nước trên địa bàn tạo điều kiện đẩy nhanh tiến độ giải ngân, thanh toán vốn theo quy định; tăng cường kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ việc chi tiêu, đảm bảo đúng chính sách, chế độ, nhất là các khoản chi xây dựng trụ sở, mua sắm phương tiện, trang thiết bị đắt tiền.

Trên đây là nội dung báo cáo thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách địa phương 9 tháng đầu năm 2018./.

Handwritten text in the left margin, possibly a date or page number.

Handwritten text in the left margin, continuing the notes.

Handwritten text in the left margin, possibly a section header.

Handwritten text in the left margin, possibly a signature or date.

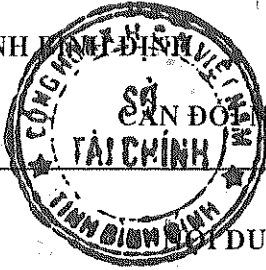
Handwritten text in the top right margin, possibly a title or page number.

Main body of handwritten text, appearing to be a list or detailed notes.

Handwritten text in the bottom right margin, possibly a signature or date.

Handwritten text in the bottom right margin, possibly a signature or date.





## NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2018

Đơn vị: Triệu đồng

STT	MÔ TẢ	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2018	SO SÁNH THỰC	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
<b>A</b>	<b>TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</b>	<b>6.863.692</b>	<b>7.945.258</b>	<b>115,8</b>	<b>110,6</b>
<b>I</b>	<b>Thu cân đối NSNN</b>	<b>6.729.000</b>	<b>5.657.874</b>	<b>84,1</b>	<b>115,9</b>
1	Thu nội địa	6.190.000	5.192.570	83,9	115,5
2	Thu từ dầu thô				
3	Thu cân đối từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu	539.000	465.304	86,3	120,2
4	Thu viện trợ				
<b>II</b>	<b>Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang</b>	<b>134.692</b>	<b>2.287.384</b>	<b>1698,2</b>	<b>99,5</b>
<b>B</b>	<b>TỔNG CHI NSDP</b>	<b>11.300.431</b>	<b>8.257.345</b>	<b>73,1</b>	<b>125,1</b>
<b>I</b>	<b>Chi cân đối NSDP</b>	<b>8.362.315</b>	<b>7.291.968</b>	<b>87,2</b>	<b>114,1</b>
1	Chi đầu tư phát triển	1.883.140	2.073.575	110,1	112,9
2	Chi thường xuyên	6.273.993	5.217.798	83,2	114,5
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	2.700	595	22,0	51,9
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.360			
5	Dự phòng ngân sách	172.520			
6	Chi tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương	28.602			
<b>II</b>	<b>Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP</b>	<b>2.938.116</b>	<b>965.377</b>	<b>32,9</b>	<b>471,3</b>
<b>C</b>	<b>BỘI CHI NSDP/ BỘI THU NSDP</b>	<b>46.500</b>	<b>10.000</b>	<b>21,5</b>	<b>12,5</b>
<b>D</b>	<b>CHI TRẢ NỢ GỐC</b>	<b>154.900</b>	<b>103.648</b>	<b>66,9</b>	<b>40,3</b>





## THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2018

Đơn vị: Triệu đồng

ST T	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2018	SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
<b>A</b>	<b>TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</b>	<b>6.729.000</b>	<b>5.657.874</b>	<b>84,1</b>	<b>115,9</b>
<b>I</b>	<b>Thu nội địa</b>	<b>6.190.000</b>	<b>5.192.570</b>	<b>83,9</b>	<b>115,5</b>
1	Thu từ khu vực DNNN	540.000	308.416	57,1	98,1
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	380.000	174.670	46,0	94,4
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	1.919.000	1.339.353	69,8	119,4
4	Thuế thu nhập cá nhân	300.000	221.959	74,0	122,2
5	Thuế bảo vệ môi trường	685.000	445.265	65,0	94,7
6	Lệ phí trước bạ	245.000	192.784	78,7	129,5
7	Các loại phí, lệ phí	160.000	114.042	71,3	103,3
8	Các khoản thu về nhà, đất	1.476.000	2.042.389	138,4	127,2
-	<i>Thuế sử dụng đất nông nghiệp</i>		1.103		194,2
-	<i>Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp</i>	11.000	12.917	117,4	116,2
-	<i>Thu tiền sử dụng đất</i>	1.200.000	1.725.301	143,8	124,8
-	<i>Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước</i>	265.000	254.631	96,1	138,7
-	<i>Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước</i>		48.437		176,8
9	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	40.000	27.873	69,7	151,7
10	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước	80.000	24.981	31,2	27,9
11	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	110.000	81.916	74,5	111,7
12	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	80.000	47.203	59,0	102,7
13	Thu khác ngân sách	175.000	171.719	98,1	130,5
<b>II</b>	<b>Thu từ dầu thô</b>				
<b>III</b>	<b>Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu</b>	<b>539.000</b>	<b>465.304</b>	<b>86,3</b>	<b>120,2</b>
1	Thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu	295.000	305.689	103,6	138,0
2	Thuế xuất khẩu	161.400	93.411	57,9	81,4
3	Thuế nhập khẩu	82.600	45.368	54,9	89,7
4	Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu				
5	Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu		65		928,6
6	Thu khác		20.771		5103,4
<b>IV</b>	<b>Thu viện trợ</b>				
<b>B</b>	<b>THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP</b>	<b>5.612.350</b>	<b>4.798.788</b>	<b>85,5</b>	<b>117,2</b>
1	Từ các khoản thu phân chia	3.269.800	2.085.613	63,8	111,5
2	Các khoản thu NSDP được hưởng 100%	2.342.550	2.713.175	115,8	122,0





## MỤC HIỆN TÀI CHÍNH NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2018

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2018	SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
	<b>TỔNG CHI NSDP</b>	<b>11.300.431</b>	<b>8.257.345</b>	<b>73,1</b>	<b>125,1</b>
<b>A</b>	<b>CHI CÂN ĐỐI NSDP</b>	<b>8.362.315</b>	<b>7.291.968</b>	<b>87,2</b>	<b>114,1</b>
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư phát triển</b>	<b>1.883.140</b>	<b>2.073.575</b>	<b>110,1</b>	<b>112,9</b>
1	Chi đầu tư cho các dự án	1.773.140	1.128.848	63,7	112,7
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật				
3	Chi đầu tư phát triển khác	110.000	944.727	858,8	113,1
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>6.273.993</b>	<b>5.217.798</b>	<b>83,2</b>	<b>114,5</b>
	Trong đó:				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	2.905.147	1.939.130	66,7	105,9
2	Chi khoa học và công nghệ	55.569	51.462	92,6	118,0
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	907.686	547.280	60,3	81,7
4	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	107.509	62.237	57,9	153,6
5	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình	30.076	27.862	92,6	108,0
6	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	48.943	33.790	69,0	109,0
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	35.899	64.370	179,3	109,4
8	Chi sự nghiệp kinh tế	531.992	944.261	177,5	260,0
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	1.124.040	878.406	78,1	99,2
10	Chi bảo đảm xã hội	286.711	440.178	153,5	107,1
<b>III</b>	<b>Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay</b>	<b>2.700</b>	<b>595</b>	<b>22,0</b>	<b>51,9</b>
<b>IV</b>	<b>Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính</b>	<b>1.360</b>			
<b>V</b>	<b>Dự phòng ngân sách</b>	<b>172.520</b>			
<b>VI</b>	<b>Chi tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương</b>	<b>28.602</b>			
<b>B</b>	<b>CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NSTW CHO NSDP</b>	<b>2.938.116</b>	<b>965.377</b>	<b>32,9</b>	<b>471,3</b>
1	Chương trình mục tiêu quốc gia	289.154	47.287	16,4	93,2
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư	1.490.590	918.090	61,6	595,8
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên	1.158.372			

